

Grade 3 Term 3 Chinese Revision sheet

Words:

kè tīng
客厅



huā yuán
花园



yáng tái
阳台



wò shì
卧室



chú fáng
厨房



xǐ shǒu jiān
洗手间



qíng tiān
晴天



yīn tiān
阴天



xià yǔ
下雨



xià xuě
下雪



yǒu wù
有雾



yǒu fēng
有风



shā chén bào
沙尘暴



xǐ huan
喜欢



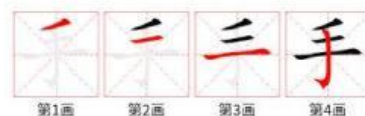
Sentences:

-  jīn tiān qíng tiān。 Today is sunny.
 jīn tiān yīn tiān。 Today is cloudy.
 jīn tiān xià yǔ。 Today is rainy.
 jīn tiān xià xuě。 Today is snowy.
 jīn tiān yǒu wù。 Today is foggy.
 bà ba zài huā yuán。 Dad is in the garden.
 mā ma zài kè tīng。 Mom is in the living room.
 tā zài yáng tái。 He is in balcony.
 jīn tiān yǒu fēng。 Today is windy.

Chinese Character:

洗手 (xǐ shǒu)

wash hands



花 (huā) flower

气 (qì) weather



雨 (yǔ) rain

风 (fēng) wind

